TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LƯƠNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:**24**/2025/HNGĐ-ST Ngày: 19/ 06/2025 V/v: "Ly hôn, nuôi con chung"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG - TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chuyên-bà Đỗ Thanh Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyến-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tốn - chức vụ Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 184/2024/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 09/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1976

Nơi thường trú: Xóm T, Xã P (nay là TDP T, thị trấn Đ) huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1973

Nơi thường trú: TDP G, thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị H có mặt, vắng mặt anh N)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2024 và bản tự khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N được tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào tháng 04 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) thị trấn G (viết tắt T1), huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại tổ dân phố G, TT G, huyện P hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn do sáng chị đi làm từ sáng đến tối về nhưng anh N ghen tuông nói chị có người dàn ông khác nên đã đánh đuổi chị ra khỏi nhà, nên chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2020 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung, con thứ nhất là Nguyễn Thế H1, sinh ngày 15/11/2002 hiện đã trưởng thành đủ sức khỏe lao động, học tập và con thứ 2 Nguyễn Quang H2, sinh ngày 27/8/2008 từ khi vợ chồng ly thân cháu H2 ở với chị, mọi việc chăm sóc, nuôi dưỡng đều do chị, anh N không phụ giúp gì trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con, khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt mặc dù được đại diện gia đình là Đặng Thị T (mẹ đẻ anh N) giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 11/11/2024 cháu Nguyễn Quang H2, sinh ngày 27/8/2008 trình bày nguyên vọng muốn ở với chị H.

Tại các biên bản làm việc về việc giao nhận văn bản tố tụng đối với bà Đặng Thị T (mẹ đẻ anh N), bà T đều xác định đã giao lại văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N. Đồng thời, bà T xác định: Anh N hiện đi làm ở Công ty M, bà không rõ địa chỉ, anh N sáng đi làm, tối về. Sau khi nhận các văn bản tố tụng bà có giao lại cho anh N, tuy nhiên anh N không muốn sống đoàn tụ cùng chị H, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H, vợ chồng có 02 con chung, anh nhất trí chị H là người nuôi con (cháu H2), về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết chị H có đơn đề nghị Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ tại hồ sơ giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình đình chỉ số 06/2012/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, theo tài liệu có trong hồ sơ, Biên bản ghi lời khai ngày 06/12/2012, anh N xác định: kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại T1, huyện P. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở nhà mẹ đẻ anh, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, do kinh tế khó khăn, hai vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau, đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên muốn ly hôn với chị Đinh Thị H.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên quan điểm khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn, yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Phú Lương phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, các Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia

đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị H được ly hôn Nguyễn Văn N; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quang H2, sinh ngày 27/8/2008 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu, nên không giải quyết. Về tài sản chung không giải quyết do không yêu cầu, nợ chung không có. Về án phí chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn N, có nơi thường trú tại TDP G, TT G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N, nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết nên vụ án không tiến hành hòa giải được, căn cứ vào khoản 3 Điều 203, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phú Lương quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Đinh Thị H và anh Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn tại T1, huyện P trên cơ sở tự nguyện đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Qua lời khai của chị H có trong hồ sơ vụ án và quá trình xác minh Hội đồng xét xử thấy, giữa chị H và anh N đã có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, từ năm 2012 anh N đã có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn tuy nhiên sau đó rút đơn khởi kiện, tuy nhiên sau đó vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của chị H và anh N trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên, càn chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh Nghĩa L phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung, con thứ nhất là Nguyễn Thế H1, sinh ngày 15/11/2002 hiện đã trưởng thành đủ sức khỏe lao động, học tập và con thứ 2 cháu Nguyễn Quang H2, sinh ngày 27/8/2008 hiện chưa đủ 18 tuổi, hiện đang ở với chị H, chị có nguyện vọng nuôi cháu H2. Hội đồng xét xử xét thấy: trong quá trình chị H và anh N mâu thuẫn cháu H2 vẫn do chị H nuôi dưỡng, chị H có thu nhập ổn định và nguyện vọng đề nghị được nuôi

con của chị H là phù hợp với nguyện vọng của cháu H2 và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, giao con chung Nguyễn Quang H2, sinh ngày 27/8/2008 cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là đảm bảo được quyền lợi mọi mặt cho các con, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Người không trực tiếp nuôi con được quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con và thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với các đương sự cho đến khi người trực tiếp nuôi con có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đinh Thị H.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung, con thứ nhất là Nguyễn Thế H1, sinh ngày 15/11/2002 hiện đã trưởng thành đủ sức khỏe lao động, học tập và con thứ 2 là cháu Nguyễn Quang H2, sinh ngày 27/8/2008

2.1 Giao con chung là Nguyễn Quang H2, sinh ngày 27/8/2008 cho chị Đinh Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Đối với cháu Nguyễn Thế H1, sinh ngày 15/11/2002 đã trưởng thành đủ sức khỏe học tập và lao động nên không xem xét giải quyết.

2.2 Anh Nguyễn Văn N được quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con và thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

2.4 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn N phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

3.Về tài sản chung và công nợ chung: chị H xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004758 ngày 11/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

5.Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6.Quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn N vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- THADS huyện Phú Lương;
- UBND TT Giang Tiên, Phú Lương;
- Đương sự;
- Lưu: HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Bích Hiền